| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HOÀNG SU PHÌ**<br>**TỈNH HÀ GIANG**<br>Số: 14/2023/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br><br>*Hoàng Su Phì, ngày 02 tháng 6 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 22/5/2023 về việc "*Ly hôn*", giữa:

*Nguyên đơn*: Chị Trần Thị B, sinh năm 1999; Số căn cước công dân: 024199001902 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 11/11/2021; địa chỉ: xã N, huyện H, tỉnh H.

*Bị đơn*: Anh Ma Văn S, sinh năm 1995; Số căn cước công dân: 002095004423 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: xã N, huyện H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/5/2023.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/5/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Ma Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1. Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị B và anh Ma Văn S nhất trí thuận tình ly hôn.

*2.2. Về con chung:* Không có. Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết.

*2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:* Chị B và anh S

không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*2.4. Về án phí:* Chị Trần Thị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì ngày 22/5/2023 theo Biên lai số 0008136. Trả lại cho chị B số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Minh Phương**